



FOREST
TRENDS

NGÀNH CAO SU VIỆT NAM

Chuẩn bị để đáp ứng với
Quy định chống phá rừng của EU

Nguyễn Vinh Quang

Trần Thị Thuý Hoa

Tô Xuân Phúc



Tháng 3, 2024



NICFI

Norway's International Climate and Forest Initiative



UKaid
From the British people

LỜI CẢM ƠN

Báo cáo ***Ngành cao su Việt Nam: Chuẩn bị để đáp ứng với Quy định chống phá rừng của EU*** là sản phẩm của Nhóm nghiên cứu Forest Trends. Báo cáo được tổng hợp dựa trên các dữ liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan Việt Nam và ITC. Một số thông tin trong báo cáo được thu thập từ các cuộc trao đổi, tham vấn với những chuyên gia trong ngành.

Xin trân trọng cảm ơn Bộ Ngoại giao và Phát triển Vương quốc Anh (FCDO) và Cơ quan Hợp tác Phát triển của Chính phủ Na Uy (NORAD) đã hỗ trợ tài chính thông qua Forest Trends để xây dựng Báo cáo. Các phân tích, nhận định trong Báo cáo là của tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Forest Trends hoặc các tổ chức tài trợ nêu trên. Nhóm nghiên cứu không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hoạt động nào sử dụng thông tin trong Báo cáo này của bên thứ ba.

Nhóm tác giả

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	2
MỤC LỤC.....	3
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	4
DANH MỤC CÁC HÌNH.....	4
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	5
TÓM TẮT	6
1. Giới thiệu.....	9
2. Việt Nam nhập khẩu cao su	10
2.1. Nhập khẩu cao su nguyên liệu.....	12
2.2. Nhập khẩu các sản phẩm cao su	15
3. Việt Nam xuất khẩu các mặt hàng cao su	17
3.1. Xuất khẩu cao su nguyên liệu	17
3.2. Xuất khẩu các sản phẩm cao su	21
4. Trung Quốc nhập khẩu các mặt hàng cao su và xuất khẩu sang thị trường EU.....	22
4.1. Trung Quốc nhập khẩu các mặt hàng cao su.....	22
4.3. Trung Quốc xuất khẩu các mặt hàng cao su sang EU	24
5. Các khía cạnh liên quan EUDR của Liên minh Châu Âu	26
5.1. Quy định chống phá rừng của EU	26
5.2. Việt Nam và Trung Quốc xuất khẩu cao su sang EU và thực thi EUDR trong tương lai.....	27
Phụ lục	31

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng cao su của Việt Nam, giai đoạn 2018 – 2022	10
Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng cao su của Việt Nam theo mặt hàng, giai đoạn 2018 – 2022.....	17
Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng cao su của Việt Nam theo thị trường, giai đoạn 2018 – 2022	17
Bảng 4: Kim ngạch xuất khẩu cao su hỗn hợp của Việt Nam theo thị trường, giai đoạn 2018 – 2022	20
Bảng 5: Lượng xuất khẩu cao su hỗn hợp của Việt Nam theo thị trường, giai đoạn 2018 – 2022	21
Bảng 6: Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm cao su của Việt Nam theo thị trường, giai đoạn 2018 – 2022	22
Bảng 7: Kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng cao su của Trung Quốc, giai đoạn 2018 – 2022	23
Bảng 8: Kim ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên của Trung Quốc theo thị trường, giai đoạn 2018 – 2022	23
Bảng 9: Kim ngạch nhập khẩu cao su hỗn hợp của Trung Quốc theo thị trường, giai đoạn 2018 – 2022	24

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1: Kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng cao su chính của Việt Nam theo thị trường, giai đoạn 2018 – 2022	11
Hình 2: Kim ngạch nhập khẩu cao su của Việt Nam phân theo mặt hàng, giai đoạn 2018 – 2022.....	12
Hình 3: Kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng cao su nguyên liệu của Việt Nam theo mặt hàng, giai đoạn 2018 – 2022.....	12
Hình 4: Lượng nhập khẩu cao su thiên nhiên của Việt Nam theo năm, giai đoạn 2018 – 2022	13
Hình 5: Lượng nhập khẩu cao su thiên nhiên của Việt Nam theo thị trường, giai đoạn 2018 – 2022	13
Hình 6: Kim ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên của Việt Nam theo thị trường, giai đoạn 2018 – 2022.....	14
Hình 7: Tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu cao su thiên nhiên vào Việt Nam theo năm, giai đoạn 2018 – 2022	14
Hình 8: Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cao su của Việt Nam theo năm, giai đoạn 2018 – 2022	15
Hình 9: Kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng sản phẩm cao su của Việt Nam, giai đoạn 2018 – 2022.....	16
Hình 10: Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cao su của Việt Nam theo thị trường, giai đoạn 2018 – 2022	16
Hình 11: Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng cao su nguyên liệu của Việt Nam theo mặt hàng, giai đoạn 2018 – 2022.....	18
Hình 12: Lượng cao su thiên nhiên xuất khẩu của Việt Nam theo năm, giai đoạn 2018 – 2022.....	18
Hình 13: Lượng cao su thiên nhiên xuất khẩu của Việt Nam theo thị trường, giai đoạn 2018 – 2022.....	19
Hình 14: Kim ngạch xuất khẩu cao su thiên nhiên của Việt Nam theo thị trường, giai đoạn 2018 – 2022.....	19
Hình 15: Lượng xuất khẩu Cao su hỗn hợp của Việt Nam theo năm, giai đoạn 2018 – 2022	20
Hình 16: Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm cao su của Việt Nam theo mặt hàng, giai đoạn 2018 – 2022	21
Hình 17: Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng cao su của Trung Quốc phân theo thị trường EU và các thị trường khác, giai đoạn 2018 – 2022	24
Hình 18: Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng sản phẩm cao su của Trung Quốc vào thị trường EU, giai đoạn 2018 – 2022	25
Hình 19: Sơ đồ chuỗi cung ngành cao su Việt Nam năm 2022.....	28

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CARG	Tăng trưởng trung bình hàng năm
CSTN	Cao su thiên nhiên/tự nhiên
DN	Doanh nghiệp
EU	Liên minh Châu Âu (European Union)
EUDR	Quy định về chống mất rừng của Liên minh Châu Âu (European Union Deforestation-free Regulation)
FCDO	Bộ Ngoại giao và Phát triển Vương quốc Anh
HS	Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (Harmonized Commodity Description and Coding System), được quy định theo hệ thống phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu do Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) phát hành.
ITC	Trung tâm Thương mại Quốc tế (International Trade Center)
KN	Kim ngạch
NK	Nhập khẩu
NORAD	Cơ quan Hợp tác Phát triển của Chính phủ Na Uy
SPCS	Sản phẩm cao su
TB	Trung bình
TCHQ	Tổng cục Hải quan Việt Nam
TQ	Trung Quốc
Tr.	Triệu
TT	Thứ tự
USD	Đô-la Mỹ
VN	Việt Nam
XK	Xuất khẩu

TÓM TẮT

Sản xuất và chế biến cao su là một trong những ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam. Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng cao su của nước ta đạt hơn 6,7 tỷ USD, tăng 6,6% so với năm 2021. Trong đó, xuất khẩu cao su nguyên liệu và sản phẩm cao su đạt lần lượt gần 3,3 tỷ USD và hơn 3,4 tỷ USD. Lượng cao su thiên nhiên xuất khẩu dưới dạng cao su nguyên liệu đạt khoảng 2,1 triệu tấn.

Cao su nguyên liệu phục vụ chế biến của Việt Nam có nguồn gốc từ các vườn cao su trong nước (bao gồm cao su đại điền và tiểu điền) và từ nguồn nhập khẩu. Năm 2022, nguồn cung trong nước đạt khoảng 1,3 triệu tấn cao su thiên nhiên; nguồn nhập khẩu đạt 1,7 triệu tấn. Nguồn cung từ Lào và đặc biệt từ Campuchia có vai trò quan trọng nhất trong luồng cung nhập khẩu. Lượng cung từ Cam-pu-chia chiếm 83% và từ Lào chiếm 11% tổng lượng cao su thiên nhiên nhập khẩu vào Việt Nam năm 2022.

Liên minh Châu Âu (EU) (gồm 27 nước thành viên) là thị trường xuất khẩu các mặt hàng cao su lớn thứ 3 của Việt Nam. Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng cao su của Việt Nam vào EU đạt 587 triệu USD, tương đương 8,7% tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng cao su của cả ngành.

Trung Quốc là thị trường xuất khẩu các mặt hàng cao su lớn nhất của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này chiếm hơn 37% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả ngành. Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào Trung Quốc đạt hơn 2,4 tỷ USD. Trong đó, 2,2 tỷ USD thu được từ hoạt động xuất khẩu 1,6 triệu tấn cao su thiên nhiên. Trung Quốc cũng là nhà xuất khẩu lớn các mặt hàng cao su vào thị trường EU.

Tháng 12/2022, EU đã ban hành Quy định chống phá rừng (EUDR). Cao su là một trong 7 nhóm mặt hàng chịu sự điều chỉnh của EUDR, sẽ bị cấm nhập khẩu vào EU nếu quá trình sản xuất mặt hàng này gây mất rừng và không đảm bảo các yêu cầu về hợp pháp ở tất cả các khâu của chuỗi cung.

Hiện không có số liệu thống kê về việc sử dụng cao su nguyên liệu đầu vào (trong nước: đại điền, tiểu điền; nhập khẩu: từ Cam-pu-chia, Lào) cho chế biến phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Chuỗi cung cao su hiện tại của Việt Nam tương đối phức tạp, khó có thể truy xuất nguồn gốc, đặc biệt đối với các chuỗi cung dài, nguyên liệu được nhập khẩu và sản phẩm cuối cùng được xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

Nguồn cung cao su nguyên liệu của Việt Nam gồm có nguồn cung trong nước và nguồn cung nhập khẩu. Nguồn cung trong nước đến từ 918 nghìn ha cao su trong các vườn đại điền (sở hữu chủ yếu bởi các công ty thuộc Tập đoàn cao su) và tiểu điền (sở hữu bởi khoảng 265 nghìn hộ dân). Nguồn cung trong nước về cơ bản có mức độ rủi ro thấp, xét về khía cạnh gây mất rừng, do phần lớn diện tích trồng cao su có tính pháp lý rõ ràng.

Nhìn chung, diện tích cao su đại điền, đặc biệt phần diện tích thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam (VRG) (gần 300.000 ha) là diện tích tập trung. Hiện nay, gần 2/3 diện tích này đã đạt chứng chỉ bền vững VFCS/PEFC. Tại đây, việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm có thể thực hiện được. Tuy nhiên, gần 80% diện tích cao su của Việt Nam, trong đó 60% là diện tích từ tiểu điền hiện chưa có chứng chỉ. Truy xuất nguồn gốc đối với nguồn cung này là rất khó, bởi chuỗi cung phức tạp. Thông tin về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tiểu điền trồng cao su còn thiếu. Ngoài ra, một phần diện tích

nhỏ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc còn có tranh chấp, hay đất trồng cao su bị chồng lấn ở một số địa phương.

Chuỗi cung cao su nguyên liệu của Việt Nam tương đối dài, với khâu thu mua chủ yếu được đảm nhận bởi mạng lưới thương lái, hoạt động tại nhiều cấp độ khác nhau (thôn, xã, huyện, tỉnh). Hoạt động trong khâu này hiện còn mang tính tự phát, nhiều cấp trung gian mua đi bán lại. Việc ghi chép hoạt động mua bán nhằm xác định nguồn gốc, diện tích khai thác, chủ sở hữu, v.v không được thực hiện đầy đủ.

Nguồn cung cao su nhập khẩu vào Việt Nam, bao gồm CSTN nhập khẩu từ Cam-pu-chia và Lào cũng bao gồm nhiều khía cạnh rất phức tạp. Các thông tin hiện có không cho phép việc thực hiện truy xuất nguồn gốc. Thông tin về chuỗi cung từ hai nguồn này vào Việt Nam rất ít. Tình trạng phối trộn các nguồn nguyên liệu khác nhau mà không được tài liệu hoá đầy đủ đang diễn ra phổ biến. Hầu như không có thông tin chính thức về tình trạng pha trộn giữa các nguồn cung tiểu điền và đại điền trong nước, và giữa nguồn cung nhập khẩu từ Cam-pu-chia và Lào với các nguồn cung trong nước. Tính phức tạp càng tăng khi các nguồn cung này được trộn với các nguồn cung trong nước, đưa vào chế biến thô và xuất khẩu. Phức tạp hơn nữa là nguồn cung xuất khẩu này được xuất khẩu sang Trung Quốc để tạo ra các sản phẩm cao su xuất khẩu vào EU và một số quốc gia khác.

Thực trạng trên cho thấy, Việt Nam chưa thể đáp ứng yêu cầu có đầy đủ thông tin và bằng chứng (nêu trên) chứng minh sản phẩm cao su không gây mất rừng và hợp pháp theo quy định của EUDR, trong toàn bộ chuỗi cung từ các vườn trong nước và nguồn nhập khẩu, qua các khâu thu mua, chế biến và xuất khẩu của Việt Nam sang EU, từ Việt Nam sang Trung Quốc, và từ Trung Quốc sang EU.

Ngành cao su Việt Nam đáp ứng yêu cầu của EUDR

EU là một trong những thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của ngành cao su Việt Nam. Việc đáp ứng các yêu cầu của EUDR đóng vai trò quan trọng nhằm duy trì tiếp cận đối với thị trường này trong tương lai.

Đáp ứng với yêu cầu EUDR đòi hỏi ngành cao su Việt Nam cần đánh giá lại toàn bộ các nguồn cung, hệ thống hóa và tài liệu hóa kênh lưu thông và sản phẩm đầu ra.

Đối với nguồn cung trong nước, cần thực hiện nghiêm việc truy xuất nguồn gốc. Các doanh nghiệp có diện tích cao su tập trung cần ưu tiên thực hiện các hoạt động nhằm đạt chứng chỉ quản lý bền vững. Chuỗi cung có nguồn gốc từ các diện tích này cần tách bạch rõ ràng đối với các chuỗi cung có nguồn gốc từ các diện tích khác (ví dụ nhập khẩu, tiểu điền). Đối với nguồn cao su tiểu điền, Chính phủ cần đưa ra các cơ chế, chính sách, khuyến khích và hỗ trợ các hộ và các bên tham gia chuỗi, bao gồm khối tư thương thu mua cao su tiểu điền và các doanh nghiệp thu mua cao su từ khối tư thương, thực hiện các hoạt động nhằm cho phép việc truy xuất. Chính sách hỗ trợ có thể bao gồm tổ chức các lớp tập huấn; phát triển các phần mềm công nghệ nhằm số hóa các hoạt động trong chuỗi; thống kê và số hóa diện tích và vị trí đất của các hộ. Hoạt động này có thể kêu gọi sự tham gia của khối tư thương, những người thu mua cao su từ các hộ tiểu điền và các công ty thu mua cao su từ khối tư thương.

Đối với nguồn cao su nhập khẩu, thu thập thông tin và minh bạch về nguồn cung đóng vai trò tối quan trọng. Thông tin cần thu thập bao gồm nguồn gốc cao su nhập khẩu, các bên tham gia chuỗi, các quốc gia cung ứng, bằng chứng về các giao dịch giữa các bên và bằng chứng về sự tuân thủ với các quy định pháp luật của các bên tham gia chuỗi tại các quốc gia này. Với tình trạng chuỗi cung phức tạp và thiếu thông tin như hiện nay, nguồn cung nhập khẩu hiện chưa rõ nguồn gốc cần được tách bạch với các nguồn

cung trong nước, đặc biệt là các nguồn cung từ các diện tích/chuỗi có nguồn gốc rõ ràng, nhằm tránh gây rủi ro cho các nguồn cung minh bạch và có thể đáp ứng yêu cầu của EUDR.

Cần thúc đẩy đối thoại, hợp tác với các bên liên quan, đặc biệt giữa Việt Nam và Cam-pu-chia, Việt Nam và Lào, cả ở cấp Chính phủ và cấp Hiệp hội, với mục tiêu chia sẻ thông tin về chuỗi, tăng cường minh bạch thông tin chuỗi, nâng cao chuẩn mực nhằm đáp ứng yêu cầu về truy xuất nguồn gốc hợp pháp, hướng tới sản xuất bền vững, giúp cải thiện khả năng tuân thủ các quy định EUDR. Việt Nam, các quốc gia cung cao su nguyên liệu cho Việt Nam và các quốc gia nhập khẩu các mặt hàng cao su từ Việt Nam cần xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin về chuỗi cung, từ nguồn cung nguyên liệu đến các thị trường tiêu thụ các mặt hàng cao su. Việc ứng dụng các giải pháp số hóa, trí tuệ nhân tạo, blockchain thời gian thực có thể giúp đơn giản hóa, minh bạch và tiếp cận nhanh chóng các thông tin được chia sẻ giữa các bên liên quan trong chuỗi.

Ngành cao su Việt Nam cần hoàn thiện và triển khai đồng bộ hệ thống truy xuất nguồn gốc nguyên liệu bằng cách phát triển và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm cao su, từ khâu trồng trọt, thu hoạch, nhập khẩu, mua bán đến chế biến và xuất khẩu. Điều này giúp chứng minh sản phẩm không liên quan đến hoạt động phá rừng. Hoàn thiện, chuẩn hóa, số hóa và kết nối các cơ sở dữ liệu hiện có về vùng và diện tích trồng cao su, chủ sở hữu vườn cao su, thông tin doanh nghiệp, số liệu xuất nhập khẩu,... trong nước để tạo điều kiện truy xuất nguồn gốc minh bạch và hiệu quả.

1. Giới thiệu

Sản xuất và chế biến cao su là một trong những ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, năm 2022, giá trị xuất khẩu các mặt hàng cao su, bao gồm cao su nguyên liệu (bao gồm cao su thiên nhiên (CSTN) và cao su hỗn hợp) và sản phẩm cao su (SPCS, ví dụ lốp xe, găng tay, đế giày) đạt hơn 6,7 tỷ USD, tăng 6,6% so với năm 2021. Trong đó cao su nguyên liệu đạt gần 3,3 tỷ USD và sản phẩm cao su đạt hơn 3,4 tỷ USD.¹

Đối với các thị trường nhập khẩu mặt hàng cao su của Việt Nam, Liên minh Châu Âu (EU) (gồm 27 nước thành viên) đứng thứ 3 về kim ngạch (hai thị trường đứng đầu là Trung Quốc và Hoa Kỳ). Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng cao su của Việt Nam vào EU đạt 587 triệu USD, tương đương 8,7% tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng cao su của cả ngành.

Nguồn CSTN và SPCS xuất khẩu từ Việt Nam bao gồm nguồn cung trong nước và nguồn cung nhập khẩu. Nguồn cung từ Lào và đặc biệt từ Cam-pu-chia có vai trò quan trọng, phục vụ cho cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Năm 2022, Việt Nam nhập khẩu khoảng 1,7 triệu tấn CSTN, với kim ngạch gần 1,9 tỷ USD, trong đó 83% có nguồn gốc từ Cam-pu-chia, và 11% có nguồn gốc từ Lào.

Trung Quốc là thị trường nhập khẩu các mặt hàng cao su lớn nhất của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này chiếm hơn 37% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả ngành. Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu của ngành vào Trung Quốc đạt hơn 2,4 tỷ USD, trong đó 2,2 tỷ USD thu được từ hoạt động xuất khẩu 1,6 triệu tấn CSTN.

Trung Quốc cũng là nguồn cung các mặt hàng cao su lớn của EU. Tuy nhiên, báo cáo này chưa có thông tin đầy đủ. Do Việt Nam là một trong những nguồn cung CSTN lớn nhất của Trung Quốc, nên có thể một lượng CSTN từ Việt Nam được đưa vào chế biến tại Trung Quốc và sau đó xuất khẩu ở dạng sản phẩm cuối cùng vào EU.

Tháng 12/2022, EU ban hành Quy định chống phá rừng (EU Deforestation Regulation, EUDR). Quy định này cấm nhập khẩu 7 nhóm mặt hàng vào EU, trong đó có cao su, nếu quá trình sản xuất các mặt hàng này vi phạm các quy định của quốc gia xuất khẩu và/hoặc gây mất rừng và suy thoái rừng, với thời điểm mất rừng/suy thoái rừng được tính từ ngày sau 31/12/2020. Quy định này chính thức có hiệu lực từ ngày 29/6/2023. Tính từ ngày này, các công ty nhập khẩu hàng hóa vào EU có thời gian 18 tháng (công ty lớn) hoặc 24 tháng (công ty vừa và nhỏ) để chuẩn bị cho việc đáp ứng các yêu cầu của EUDR. Hiện một số quốc gia khác, bao gồm Hoa Kỳ, đang cân nhắc và có thể áp dụng cơ chế tương tự trong tương lai.

Báo cáo **Ngành cao su Việt Nam: Chuẩn bị để đáp ứng với Quy định chống phá rừng của EU** cung cấp một số thông tin về hiện trạng chuỗi cung các mặt hàng cao su của Việt Nam, bao gồm nguồn cung nhập khẩu từ Cam-pu-chia, Lào và các mặt hàng cao su Việt Nam xuất khẩu đi các nước. Dựa trên đó, báo cáo đánh giá các khía cạnh pháp lý của chuỗi và khả năng đáp ứng với những yêu cầu pháp lý của các bên tham gia chuỗi. Bên cạnh đó, báo cáo thảo luận về các yêu cầu chính trong EUDR và đánh giá về khả

¹ Các mặt hàng cao su, bao gồm **cao su nguyên liệu** và **sản phẩm cao su**. Trong Báo cáo này, cao su nguyên liệu bao gồm các mã từ HS 4001 đến 4005. Tuy nhiên, hai mặt hàng bao gồm (i) Cao su thiên nhiên (hay còn được gọi là cao su tự nhiên) thuộc mã HS 4001, gồm có mù cao su nước và đông (chưa qua chế biến) và các mặt hàng đã qua chế biến như cao su khối (SVR), cao su tờ xông khói (RSS), cao su cô đặc (latex),... có 100% thành phần là CSTN; (ii) Cao su hỗn hợp, mã HS 400280 ở dạng khối có thành phần từ 97,5% đến 99% là CSTN chiếm phần lớn trong chuỗi cung cao su nguyên liệu nhập khẩu từ Lào/Cam-pu-chia sang Việt Nam rồi sang Trung Quốc nên nhóm này sẽ được gọi chung là CSTN trong báo cáo. Nhóm **Sản phẩm cao su** là các sản phẩm cuối cùng như găng tay, lốp xe, băng tải, đế giày, nệm gối,... được làm từ cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp và một số hóa chất và vật liệu khác.

năng tuân thủ của ngành cao su đối với Quy định này. Có thể một lượng CSTN được Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc được đưa vào chế biến tại quốc gia này sau đó xuất khẩu sang EU. Báo cáo cung cấp một số thông tin về Trung Quốc nhập khẩu cao su nguyên liệu, bao gồm CSTN và xuất khẩu các mặt hàng cao su sang EU và thảo luận về ý nghĩa của chuỗi cung này với việc thực hiện EUDR trong tương lai.

Số liệu về xuất nhập khẩu các mặt hàng cao su của Việt Nam được tổng hợp từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan (TCHQ) Việt Nam. Số liệu xuất nhập khẩu các mặt hàng cao su của Trung Quốc được tổng hợp từ nguồn dữ liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC). Báo cáo cũng tham khảo số liệu và thông tin từ một số báo cáo khác, bao gồm dữ liệu tổng hợp bởi Tổng cục Thống kê Việt Nam.² Một số thông tin trong báo cáo được tổng hợp từ các cuộc trao đổi, tham vấn với các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm và kiến thức chuyên sâu về ngành cao su Việt Nam.

Báo cáo này bao gồm năm phần chính. Sau Phần 1, Phần 2 cung cấp thông tin về tình hình nhập khẩu các mặt hàng cao su của Việt Nam, với hai nguồn nhập khẩu chính là Cam-pu-chia và Lào. Phần 3 thảo luận về tình hình xuất khẩu các mặt hàng cao su của Việt Nam, tập trung vào thị trường Trung Quốc và EU. Phần 4 cung cấp thông tin về hoạt động xuất nhập khẩu của Trung Quốc, tập trung vào chuỗi nhập khẩu cao su nguyên liệu từ Việt Nam và hoạt động xuất khẩu của nước này vào thị trường EU. Phần 5 thảo luận về các khía cạnh liên quan đến Quy định chống phá rừng của EU đưa ra một số khuyến nghị cho ngành cao su Việt Nam nhằm đáp ứng Quy định này.

2. Việt Nam nhập khẩu cao su

Cao su nhập khẩu ngày càng đóng vai trò quan trọng trong ngành cao su Việt Nam. Kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng cao su của Việt Nam tăng liên tục trong những năm vừa qua, từ hơn 2,52 tỷ USD năm 2018 lên gần 5 tỷ USD năm 2022 (tăng trung bình 18,4%/năm). Kim ngạch nhập khẩu của nhóm cao su nguyên liệu có mức tăng trưởng cao nhất, tăng trung bình 29,6%/năm. Kim ngạch nhập khẩu của nhóm sản phẩm cao su tăng trưởng thấp hơn (tăng 6,5%/năm). Năm 2022, tổng kim ngạch nhập khẩu cao su nguyên liệu đạt gần 3,15 tỷ USD, mức cao nhất trong giai đoạn 2018-2022 (Bảng 1).

Bảng 1: Kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng cao su của Việt Nam, giai đoạn 2018 – 2022

Mặt hàng	2018	2019	2020	2021	2022	Tỷ trọng TB năm	Tăng trưởng TB năm %
Cao su nguyên liệu	1.115,0	1.220,3	1.472,5	2.958,5	3.148,7	56,2%	29,6
Sản phẩm cao su	1.411,3	1.473,9	1.390,1	1.632,9	1.818,2	43,8%	6,5
Tổng cộng	2.526,3	2.694,2	2.862,6	4.591,3	4.966,9	100,0%	18,4

(đơn vị: triệu USD)

Nguồn: Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan (TCHQ) Việt Nam

² Các nguồn dữ liệu khác nhau có thể đưa ra các con số khác nhau. Ví dụ nguồn dữ liệu tổng hợp từ Tổng cục Hải quan Việt Nam về Việt Nam xuất khẩu CSTN cho con số khác hẳn với nguồn dữ liệu tổng hợp từ ITC. Tương tự, con số ITC đưa ra về xuất khẩu cao su của Trung Quốc sang EU có thể khác biệt so với con số từ cơ quan Hải quan Trung Quốc. Mục đích của Báo cáo này không tập trung vào sự khác biệt này, mà chỉ đưa ra các thông tin về tính phức tạp của chuỗi cung do sự pha trộn giữa các nguồn cung cao su khác nhau.